TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **161**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 4 năm 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Lê Thị Huệ - Bà Phan Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Bảy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án Nhân dân Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc: "*Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST ngày 07 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị NTKL, sinh năm 1983. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn Cao Cát, Thị trấn BM, huyện BL, tỉnh HN. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Ông An Văn Dương – Luật sư Văn phòng Luật sư ATK – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

2 – Bị đơn: Anh NVQ, sinh năm 1978.

Nơi thường trú: Thôn Cao Cát, Thị trấn BM, huyện BL, tỉnh HN.

Nơi ở hiện nay: Số 57 ngõ 487 đường CN, phường CN 2, quận Bắc Từ Liêm,TP. Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị NTKL trình bày:

Về tình cảm vợ chồng: Chị và anh NVQ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/02/2004 tại UBND xã An Mỹ (Nay là Thị trấn BM), huyện BL, tỉnh HN. Trong quá trình hôn nhân, từ năm 2016 giữa chị và aQ xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng càng ngày càng đi xuống. Từ tháng

5/2021, chị và aQ đã sống ly thân, aQ chuyển lên Hà Nội sinh sống và làm việc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên xin được ly hôn anh NVQ.

Về con chung: Chị và aQ có hai con chung là: NTA, sinh ngày 05/11/2015 và NHP, sinh ngày 08/9/2010. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con chung, và không yêu cầu aQ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và aQ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã nhiều lần triệu tập Bị đơn là anh NVQ đến Tòa án tham gia tố tụng, tuy nhiên aQ không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị NTKL.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị NTKL giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh NVQ. Về con chung chị giữ nguyên ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị trực tiếp nuôi cả hai con chung là: NTA, sinh ngày 05/11/2015 và NHP, sinh ngày 08/9/2010 và không yêu cầu aQ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn phát biểu quan điểm: Chị NTKL và anh NVQ có mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Hiện cả hai không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Chị KL không còn tình cảm với aQ, aQ thường xuyên trốn tránh. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

***** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu quan điểm:

- Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ thụ lý, lấy lời khai, hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án, căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Thấy rằng cuộc sống chung giữa aQ và chị KL có xảy ra mâu thuẫn, đã thực sự trầm trọng và kéo dài. Mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị NTKL và anh NVQ.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là: NTA, sinh ngày 05/11/2015 và NHP, sinh ngày 08/9/2010. Hiện cả hai con chung đang cùng chung sống với chị KL, đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con chung cho chị KL trực tiếp nuôi

dưỡng. Về cấp dưỡng do chị KL không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc "L*y hôn"* giữa Nguyên đơn chị NTKL và bị đơn anh NVQ. AQ hiện đang cư trú tại: Số 57 ngõ 487 đường CN, Tổ dân phố Viên 6, phường CN 2, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân Quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của Bị đơn tại phiên tòa: Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo yêu cầu khởi kiện, triệu tập nhiều lần. Tuy nhiên, aQ không khai báo, từ chối tham gia tố tụng. Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ cho anh NVQ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, aQ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh NVQ là có căn cứ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:* Xét yêu cầu xin ly hôn của chị NTKL đối với anh NVQ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về tình cảm:* Chị NTKL và anh NVQ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/02/2004 tại UBND xã An Mỹ (Nay là Thị trấn BM), huyện BL, tỉnh HN. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh NVQ: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo quá trình tiến hành tố tụng và kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, aQ không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu xin ly hôn, xin được giao nuôi hai con chung của chị Quy. Hội đồng xét xử đánh giá các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Lời khai của chị NTKL phù hợp với kết quả xác minh tại Công an phường CN 2 và tại Tổ dân phố Viên 6, phường CN 2, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội. Các tài liệu, chứng cứ trên đều thể hiện:

[2.1] Tại Biên bản xác minh ngày 28/12/2022 tại Công an phường CN 2 thể hiện: *"...Anh NVQ sinh năm 1978 hiện có thuê trọ, sinh sống tại địa chỉ số 57 ngõ 487 đường CN, phường CN 2, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội từ tháng 9/2022..."*

[2.2] Tại Biên bản xác minh ngày 02/3/2023 tại Tổ dân phố Viên 6, phường CN 2 do bà Nguyễn Thị Hải – Tổ trưởng Tổ dân phố cung cấp thông tin thể hiện: *"...Anh NVQ (sinh năm 1978, đăng ký thường trú tại BM, BL, HN) hiện có thuê nhà và sinh sống tại địa chỉ số 57 ngõ 487 đường CN, phường CN 2, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội từ tháng 9/2022...không sống cùng vợ con, lý do giữa anh và chị KL xảy ra mâu thuẫn....Anh chị không chung sống cùng nhau, đã ly thân nhiều năm...do hai anh chị bất đồng mọi mặt về quan điểm sống..."*

Hội đồng xét xử xét, lời khai của Nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, đều thể hiện: Giữa aQ và chị KL có mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, anh chị đã ly thân thời gian dài, mỗi người ở một nơi có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Mặt khác, cũng tại Biên bản xác minh với đại diện Tổ dân phố thể hiện: AQ khi được đại diện Tổ dân phố liên hệ thì có ý kiến *"sẽ không lên Tòa án",* thể hiện anh tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị KL. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa các đương sự trong vụ án đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị NTKL đối với anh NVQ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là: NTA, sinh ngày 05/11/2015 và NHP, sinh ngày 08/9/2010. Hiện cả hai con chung đang cùng chung sống với chị KL. Tại Biên bản lấy ý kiến ngày 06/3/2023 tại Tòa án, cả hai con chung NHP và NTA đều không có ý kiến gì về việc bố mẹ ly hôn và xin được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét, để đảm bảo sự ổn định và quyền, lợi ích hợp pháp của con chung, cần giao cả hai con chung NHP và NTA cho chị KL trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của Bị đơn, chị KL không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung: Chị KL, aQ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

[3]. *Về án phí:*

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu Ly hôn của chị NTKL đối với anh NVQ.

[1.1]. Về nhân thân: Chị NTKL được ly hôn anh NVQ.

[1.2]. Về con chung: Chị KL và aQ có hai con chung là: NTA, sinh ngày 05/11/2015 và NHP, sinh ngày 08/9/2010.

Giao cả hai con chung NTA, NHP cho NTKL trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Anh NVQ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[1.3]. Về tài sản chung: **Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

[1.4]. Về nợ chung: Không có.

2. *Về án phí:*

[2.1]. Chị NTKL phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án chị đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0043594 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Chị KL đã nộp đủ án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Đặng Thế Vinh

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND Q.Bắc Từ Liêm;*
- *VKSND thành phố Hà Nội;*
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *Chi cục THA DS Q.Bắc Từ Liêm;*
- *Lưu HS, VP*